

Bản án số: **29/2021/HS-ST**

Ngày: 27-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tấn Thúc**

Ông **Trần Đức Hiếu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Ông **Phan Quang Đại Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2021/TLHS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Bị cáo: Nguyễn Thị D (Tên gọi khác: T), sinh ngày 03/05/1961 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: Tổ 45, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Lê Thị D (còn sống). Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 16/01/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xử phạt 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Nhân thân:

- Ngày 23/11/1999 bị Tòa án nhân dân TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Ngày 24/4/2008, bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Ngày 06/01/2009 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Ngày 21/12/2009 bị Tòa án nhân dân TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Ngày 22/01/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại: Ngô Thị B, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tổ 29, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1960; Địa chỉ: Kiệt 153 đường N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Bảo Q, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 20 đường L, tổ 24, phường T, quận H, TP Đà Nẵng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 29/10/2020 bà Nguyễn Thị K điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 43C1-71064 chở Nguyễn Thị D đến chợ Hòa Cầm thuộc phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng để mua đồ. Khi đến nơi, bà K dừng xe đứng ngoài đợi, còn D đi bộ đến Kiot bán hàng mã của bà Ngô Thị B tại đường P 15 thuộc tổ 20, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng hỏi mua hai tượng phật nhưng bà B không biết giá nên sang quầy bên cạnh mượn điện thoại gọi cho con gái để hỏi giá. Lúc này, D quan sát thấy 01 sấp tiền buộc dây chun của bà B để trên kệ phía sau tủ kính trưng bày hàng hóa, D nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã lén lút lấy số tiền 18.000.000 đồng của bà Bích cho vào túi áo của D rồi đi ra tìm bà K chở về nhà. Đến ngày 30/10/2020 Cơ quan công an triệu tập D lên làm việc thì D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp 18.000.000 đồng để khắc phục cho bị hại.

Tang vật tạm giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen, gắn biển 43C1-710.64 là tài sản sở hữu hợp pháp của anh Bảo Q (*Sinh năm: 1972, trú tại: Tổ 20, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng*), anh Quốc cho bà Nguyễn Thị K sử dụng.

- Số tiền 18.000.000 đồng là tài sản bị cáo D trộm cắp của người bị hại.

Tại Bản cáo trạng số 19/CT-VKSCL ngày 23 tháng 03 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng tội, không oan. Bị cáo đã thấy sai trái, ăn năn hối cải, hiện đang bị bệnh ung thư tuyến giáp, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản cáo trạng số 19/CT-VKSCL ngày 23 tháng 03 năm 2021. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D mức án tù 09 đến 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Do bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách nên đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc Nguyễn Thị D phải chấp hành hình phạt 01 năm tù của bản án số 03/2019/HS-ST ngày 16/01/2019. Đồng thời áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả 02 bản án buộc bị cáo phải chấp hành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thu thập theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29/10/2020 tại Kiot bán hàng mã của bà Ngô Thị B, đường P 15 tổ 20, phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Lợi dụng sở hữu của bà B, Nguyễn Thị D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Ngô Thị B số tiền 18.000.000 đồng (*mười tám triệu đồng*). Đến ngày

30/10/2020, Công an phường H triệu tập D lên làm việc thì bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp lại số tiền 18.000.000 đồng để khắc phục cho người bị hại. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại với tổng số tiền 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) của bị cáo Nguyễn Thị D đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an xã hội của địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân rất xấu đã nhiều lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, trong đó có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Điều này thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm, cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, như mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt là có cơ sở.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt được để bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại. Hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo đang bị bệnh ung tuyến giáp, quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại cũng bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về việc bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách án treo: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam đã xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Mặc dù đang trong thời gian thử thách án treo nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội mới. Do đó, cần áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo (Bản án số 03/2019/HS-ST) và tổng hợp hình phạt của bản án này buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Ngô Thị B đã nhận lại tài sản, quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen, gắn biển 43C1-710.64 là tài sản sở hữu hợp pháp của anh Bảo Q (*Sinh năm: 1972, trú tại: Tổ 24, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng*), ông Q cho bà Nguyễn Thị K mượn sử dụng xe để đi lại, không biết về việc bị cáo D trộm cắp tài sản của nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Q là có cơ sở.

- Đối với số tiền 18.000.000 đồng là tài sản bị cáo trộm cắp, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu bà Ngô Thị B là có cơ sở.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu là 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với bà Nguyễn Thị K là người chở D đến chợ H, tuy nhiên bà K không biết D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đề cập xử lý đối với bà Khả là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị D 01** (một) năm **03** (ba) tháng tù.

2. Căn cứ: Khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc Nguyễn Thị D phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

3. Căn cứ: Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án, buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chấp hành là **02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp đã trả lại cho người bị hại bà Ngô Thị B, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

5. Về án phí, quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- CQĐĐ - Công an quận Cẩm Lệ;
- Cơ quan THAHS – Công an Q, Cẩm Lệ;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Cường